

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 12 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI TỈNH THANH HÓA

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Thời kỳ nửa đầu tháng mực nước trên các sông dao động nhỏ và xảy ra một đợt lũ nhỏ với biên độ lũ lên từ 1.3 – 3.4m, mực nước đỉnh lũ còn dưới mức BĐ1; Thời kỳ nửa cuối tháng mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Mực nước trung bình tháng phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã tại TV Lý Nhân, sông Chu tại TV Xuân Khánh ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là $225\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 68.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 31.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là $405\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 54.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 31.0%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là $148\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 17.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 24.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/30/11 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 158.69m, thấp hơn so với MNDBT là 1.31m, đạt 95.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 112.05m, cao hơn MNDBT là 2.05m, đạt 106.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 238.59m, thấp hơn so với MNDBT là 1.41m, đạt 95.0% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 34.87m, cao hơn MNDBT là 1.87m, đạt 125.1% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 18.52m, thấp hơn MNDBT là 1.84m, đạt 100.4% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mực nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tháng, mực nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mực nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất tháng xuất hiện vào thời kỳ đầu tháng; mực nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng có khả năng xảy ra xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng gây ra thiếu nước cục bộ cho sinh hoạt, tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp tại một số thời điểm do xâm mặn lấn sâu vào vùng Cửa sông ven biển.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/01/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/12/2025

Dự báo viên: Nguyễn Thị Thủy

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 12/2025

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16495	16537	16456	16458	16500	16410	16450	16490	16400	16440	16495	16380	16449	16500	16380
Mã	Hồi Xuân	5426	5492	5338	5383	5500	5310	5380	5490	5305	5375	5495	5390	5379	5500	5305
Mã	Cầm Thủy	1248	1343	1142	1218	1300	1130	1215	1305	1128	1210	1295	1125	1214	1305	1125
Mã	Lý Nhân	272	407	183	228	300	180	225	290	170	220	285	165	224	300	165
Mã	Giàng	79	236	-75	70	190	-80	65	187	-78	60	185	-75	65	190	-80
Mã	Quảng Châu	47	203	-112	40	165	-110	35	160	-108	30	157	-105	35	165	-110
Lèn	Lèn	119	276	-36	103	235	-45	100	160	-43	90	155	-40	98	235	-45
Lèn	Cụ Thôn	103	265	-51	90	220	-55	80	215	-50	75	210	-47	82	220	-55
Âm	Lang Chánh	4721	4844	4710	4712	4720	4708	4710	4720	4708	4709	4718	4707	4710	4720	4707
Chu	Cửa Đạt	2746	2798	2635	2738	2775	2685	2720	2775	2675	2700	2770	2640	2719	2775	2640
Chu	Bãi Thượng	1149	1305	1016	1125	1175	1050	1110	1140	1035	1100	1150	1020	1112	1175	1020
Chu	Xuân Khánh	198	450	101	168	200	110	165	205	100	170	210	90	168	210	90
Buổi	Thạch Quảng	739	1015	679	670	720	640	660	690	630	645	695	615	658	720	615
Buổi	Kim Tân	350	655	266	260	340	220	250	350	200	230	345	170	247	350	170
Yên	Chuối	84	181	1	55	110	-30	50	105	-35	40	100	-40	48	110	-40
Yên	Ngọc Trà	47	163	-86	34	115	-95	30	110	-100	27	105	-105	30	115	-105

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



